

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Huy	Chủ tịch
Ông Võ Thành Nhân	Phó Chủ tịch
Ông Hồ Việt	Ủy viên
Ông Trương Tài	Ủy viên
Ông Trần Quốc Duy	Ủy viên

Ban Kiểm Soát

Bà Trần Thị Bích Thủy	Trưởng Ban
Ông Mai Quý Trung	Thành viên
Ông Huỳnh Kim Ngọc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Võ Thành Nhân	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Tài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Triệu Chu Luân	Kế toán trưởng
Ông Trần Quốc Duy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Võ Thành Nhân
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Số: /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là “Tổng Công ty”) được lập ngày 31 tháng 3 năm 2015 từ trang 5 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (“MSH”) với số tiền là 14.427.306.283 đồng chưa bao gồm khoản ước tính dự phòng giảm giá của khoản đầu tư với tổng giá trị đầu tư là 82.500.000.000 đồng mà MSH đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ. Giá trị đầu tư này là số tiền MSH đầu tư vào 1.100.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) của Công ty Đầu tư và Xây dựng Phú Mỹ, tương ứng 1,48% tỷ lệ sở hữu và biểu quyết tại công ty này. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá căn cứ trích lập dự phòng (nếu có) đối với các khoản đầu tư này. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng, nếu có, đến báo cáo tài chính hợp nhất vì vấn đề nêu tại phần “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán độc lập ngày 28 tháng 3 năm 2014 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Minh Thao

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1902-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		65.733.308.130	48.453.600.420
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	8.073.236.046	6.037.406.782
1. Tiền	111		8.073.236.046	5.926.933.171
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	110.473.611
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.996.451.242	30.914.344.921
1. Phải thu khách hàng	131		4.696.762.847	4.643.668.065
2. Trả trước cho người bán	132		1.186.863.945	1.912.634.257
3. Các khoản phải thu khác	135	6	42.614.568.851	26.418.819.130
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.501.744.401)	(2.060.776.531)
III. Hàng tồn kho	140	7	2.633.747.735	2.912.283.321
1. Hàng tồn kho	141		2.714.016.424	2.992.552.010
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(80.268.689)	(80.268.689)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.029.873.107	8.589.565.396
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	6.315.397.646	4.165.227.603
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		793.520.968	3.020.898.618
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		669.297.704	101.636.686
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	1.251.656.789	1.301.802.489
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260+269)	200		489.368.416.851	388.859.256.646
I. Tài sản cố định	220		438.760.569.290	343.660.194.955
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	404.685.425.288	291.867.908.653
- Nguyên giá	222		619.661.984.925	459.746.974.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(214.976.559.637)	(167.879.066.107)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	30.433.644.002	29.433.644.002
- Nguyên giá	228		30.433.644.002	29.433.644.002
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	3.641.500.000	22.358.642.300
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		43.272.693.717	39.297.988.737
1. Đầu tư dài hạn khác	258	13	57.700.000.000	52.100.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	14	(14.427.306.283)	(12.802.011.263)
III. Tài sản dài hạn khác	260		5.716.034.136	3.742.246.677
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		5.559.482.092	3.585.694.633
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	153.552.044	153.552.044
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.000.000	3.000.000
IV. Lợi thế thương mại	269	16	1.619.119.708	2.158.826.277
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		555.101.724.981	437.312.857.066

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		438.364.702.498	328.477.984.714
I. Nợ ngắn hạn	310		205.057.704.290	155.677.656.462
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	145.911.725.755	102.212.193.496
2. Phải trả người bán	312		7.211.265.097	20.686.838.552
3. Người mua trả tiền trước	313		2.452.630.469	54.962.511
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	7.018.832.228	5.337.344.600
5. Phải trả người lao động	315		11.048.861.827	7.780.135.969
6. Chi phí phải trả	316	19	6.123.867.139	3.190.280.791
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	24.857.288.917	16.184.317.685
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		433.232.858	231.582.858
II. Nợ dài hạn	330		233.306.998.208	172.800.328.252
1. Phải trả dài hạn khác	333	21	78.333.089.935	58.642.700.677
2. Vay và nợ dài hạn	334	22	154.973.908.273	114.157.627.575
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		112.068.491.294	104.647.098.067
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	112.068.491.294	104.647.098.067
1. Vốn cổ phần	411		92.792.610.000	80.693.070.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		289.330.000	289.330.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.068.557	7.068.557
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		222.460.359	222.460.359
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		18.757.022.378	23.435.169.151
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	24	4.668.531.189	4.187.774.285
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		555.101.724.981	437.312.857.066
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		Đơn vị	31/12/2014	31/12/2013
1. Ngoại tệ				
- Đô la Mỹ		USD	149,39	1.155,77

Dương Trung Tình
Người lập biểuĐoàn Triệu Chu Luân
Kế toán trưởngVõ Thành Nhân
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		459.714.869.053	399.303.866.039
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		115.706.977	193.352.244
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	26	459.599.162.076	399.110.513.795
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	371.800.128.368	308.276.562.081
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		87.799.033.708	90.833.951.714
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	1.022.170.570	627.851.130
7. Chi phí tài chính	22	30	33.830.156.883	36.960.868.325
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		31.941.249.879	26.696.307.587
8. Chi phí bán hàng	24		15.762.134.810	14.718.970.344
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		30.108.424.357	32.750.017.864
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		9.120.488.228	7.031.946.311
11. Thu nhập khác	31	31	43.366.364.655	31.536.873.232
12. Chi phí khác	32	31	34.205.370.057	19.268.381.011
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		9.160.994.598	12.268.492.221
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		18.281.482.826	19.300.438.532
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	4.322.287.945	4.933.838.093
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	240.467.321
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		13.959.194.881	14.126.133.118
Phân phối cho:				
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số	61		480.756.904	820.704.809
Lợi nhuận của cổ đông Công ty mẹ	62		13.478.437.977	13.305.428.309
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.453	1.649

Dương Trung Tình
Người lập biểu

Đoàn Triệu Chu Luân
Kế toán trưởng

Võ Thành Nhân
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014		2013	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	18.281.482.826		19.300.438.532	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
Khấu hao tài sản cố định	02	75.045.271.293		61.572.529.605	
Các khoản dự phòng	03	1.625.295.020		6.187.324.886	
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(8.239.592.175)		(7.739.415.397)	
Chi phí lãi vay	06	31.941.249.879		26.696.307.587	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	118.653.706.843		106.017.185.213	
Thay đổi các khoản phải thu	09	(4.738.014.022)		(13.392.853.518)	
Thay đổi hàng tồn kho	10	495.979.211		7.824.676.821	
Thay đổi các khoản phải trả	11	(10.354.731.721)		(8.503.391.747)	
Thay đổi chi phí trả trước	12	(2.899.485.177)		(1.156.304.779)	
Tiền lãi vay đã trả	13	(31.806.880.848)		(26.801.684.011)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.345.459.262)		(3.735.420.701)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	172.152.852		7.841.491.012	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(423.810.950)		(3.213.257.335)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	63.753.456.926		64.880.440.955	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(151.780.707.286)		(81.282.469.285)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	38.221.559.458		18.403.757.720	
3. Tiền chi cho vay của đơn vị khác	23	-		(10.218.502.168)	
4. Tiền thu hồi cho vay công cụ nợ của đơn vị khác	24	-		11.783.144.014	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(12.168.027.829)		(267.741.321)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-		267.741.321	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	268.920.629		318.760.224	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(125.458.255.028)		(60.995.309.495)	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	361.420.605.724		186.132.432.637	
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(294.611.073.548)		(188.079.520.407)	
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.068.904.810)		(3.408.190.525)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	63.740.627.366		(5.355.278.295)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	2.035.829.264		(1.470.146.835)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.037.406.782		7.507.553.617	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	8.073.236.046		6.037.406.782	

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 3.564.500.000 đồng (năm 2013: 13.256.359.090 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán vào cuối năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không bao gồm 802.690.708 đồng (năm 2013: không phát sinh), là số tiền dùng để nhận chuyển nhượng vốn đầu tư tại Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định bằng cách cầm trả công nợ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Dương Trung Tình
Người lập biểu

Đoàn Triệu Chu Luân
Kế toán trưởng

Võ Thành Nhân
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tổng Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và bảy công ty con cụ thể được trình bày như sau:

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là “Công ty mẹ”), tên giao dịch quốc tế Mai Linh Central Joint Stock Company, viết tắt là “MLC”, tiền thân là Công ty Cổ phần Mai Linh Đà Nẵng được thành lập ngày 30 tháng 10 năm 2000, theo theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3203000009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Ngày 16 tháng 4 năm 2012, Công ty mẹ đổi tên thành Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi số 0400382219 với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 12 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30 tháng 12 năm 2014.

Công ty mẹ đang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“HNX”) theo Quyết định số 694/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 29 tháng 9 năm 2010. Mã chứng khoán của Công ty mẹ là “MNC”, bắt đầu giao dịch từ ngày 16 tháng 12 năm 2006.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 92.792.610.000 đồng và Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (viết tắt là “MLG”) là cổ đông chính của Công ty.

Chủ sở hữu của Công ty mẹ và là công ty mẹ của cả tập đoàn là Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (“MLG”).

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 995 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 936 người).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty mẹ có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung	197 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty cổ phần Mai Linh Miền Trung - Chi nhánh Du Lịch	92 đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi, Công ty mẹ đã đăng ký các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Vận tải hành khách bằng taxi;
- Vận tải khách theo hợp đồng và vận tải khách theo tuyến cố định bằng xe chất lượng cao Express;
- Du lịch lữ hành nội địa và quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Đại lý vé máy bay trong nước và quốc tế;
- Đại lý vé tàu hỏa, tàu cánh ngầm, taxi nước;
- Đại lý bán ô tô, phụ tùng ô tô và các phương tiện vận tải khác;
- Dạy nghề ngắn hạn;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Tư vấn quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế; và
- Sửa chữa đóng mới phương tiện vận tải đường thủy, đường bộ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Đường Quang Trung, TK Diêm Hải, Phường Phú Hải, Thành Phố Đông Hới, Tỉnh Quảng Bình	75%	75%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	Số 169 Lý Thường Kiệt, Phường Đông Lễ, Thị Xã Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	177 Phan Đình Phùng, Phường Phú Nhuận, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	206 Lý Thường Kiệt, Phường Sơn Phong, Thành Phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	Lô A42 Phan Bội Châu Phường Tân Thành, Thành Phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	Số 28 - Hà Huy Tập, Phường Nghĩa Chánh, Thành Phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	Số 33A, đường Tây Sơn, Phường Quang Trung, Thành Phố Quy Nhơn, Bình Định	100%	100%	Dịch vụ taxi

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, Công ty mẹ nhận chuyển nhượng vốn tại Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định theo Nghị quyết 04/2014/BB-MLMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Hội Đồng Quản Trị với giá chuyển nhượng là 8.000.000.000 đồng. Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 411021000020 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định tại ngày 20 tháng 5 năm 2008 với vốn điều lệ là 8.000.000.000 đồng. Theo Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi, Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn sở hữu của Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25- “*Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con*”.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Bất lợi thế thương mại

Bất lợi thế thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty mẹ trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua các công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế và các chi phí liên quan, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 10
Tài sản cố định khác	6 - 20

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty là bên cho thuê: Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê: Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không tiến hành trích khấu hao theo quy định hiện hành.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng, mua sắm phục vụ mục đích hoạt động, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm giá mua, chi phí lắp đặt, xây dựng, thiết bị, phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty mẹ không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn. Lợi nhuận thuần được chia từ các khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm hoặc tại ngày kết thúc năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ dịch vụ taxi và các dịch vụ liên quan được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) - “*Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ

Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.645.944.202	960.793.244
Tiền gửi ngân hàng	6.427.291.844	4.966.139.927
Các khoản tương đương tiền	-	110.473.611
	<u>8.073.236.046</u>	<u>6.037.406.782</u>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty thành viên trong Tập Đoàn Mai Linh ("MLG")	35.292.052.690	22.840.835.349
Các khoản phải thu khác	7.322.516.161	3.577.983.781
	<u>42.614.568.851</u>	<u>26.418.819.130</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.604.228.963	2.992.552.010
Công cụ, dụng cụ	109.787.461	-
	<u>2.714.016.424</u>	<u>2.992.552.010</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(80.268.689)	(80.268.689)
	<u>2.633.747.735</u>	<u>2.912.283.321</u>

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	516.580.286	392.983.549
Chi phí bảo hiểm	3.057.509.649	2.271.384.546
Chi phí thuê văn phòng, bến bãi	-	3.666.666
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.741.307.711	1.497.192.842
	<u>6.315.397.646</u>	<u>4.165.227.603</u>

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng	834.282.789	978.047.489
Ký quỹ, ký cược khác	417.374.000	323.755.000
	<u>1.251.656.789</u>	<u>1.301.802.489</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc và thiết bị <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	13.589.012.701	836.104.135	614.105.573	443.135.654.576	1.572.097.775	459.746.974.760
Tăng trong năm	1.032.000.000	78.665.000	136.609.091	83.903.782.737	-	85.151.056.828
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	96.621.025	-	-	98.443.819.818	-	98.540.440.843
Tăng khác	-	-	105.753.398	51.384.882.017	-	51.490.635.415
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(85.706.714)	(74.292.771.472)	-	(74.378.478.186)
Giảm khác	-	(51.450.000)	(54.594.735)	-	(782.600.000)	(888.644.735)
Tại ngày 31/12/2014	<u>14.717.633.726</u>	<u>863.319.135</u>	<u>716.166.613</u>	<u>602.575.367.676</u>	<u>789.497.775</u>	<u>619.661.984.925</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	4.126.494.890	315.410.383	494.876.006	162.611.620.032	330.664.796	167.879.066.107
Khấu hao trong năm	978.871.706	77.098.663	85.752.737	73.210.920.133	152.921.485	74.505.564.724
Tăng khác	-	-	104.985.495	14.739.094.590	-	14.844.080.085
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(85.706.714)	(41.927.770.603)	-	(42.013.477.317)
Giảm khác	-	(51.450.000)	(54.594.735)	-	(132.629.227)	(238.673.962)
Tại ngày 31/12/2014	<u>5.105.366.596</u>	<u>341.059.046</u>	<u>545.312.789</u>	<u>208.633.864.152</u>	<u>350.957.054</u>	<u>214.976.559.637</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2014	<u>9.612.267.130</u>	<u>522.260.089</u>	<u>170.853.824</u>	<u>393.941.503.524</u>	<u>438.540.721</u>	<u>404.685.425.288</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>9.462.517.811</u>	<u>520.693.752</u>	<u>119.229.567</u>	<u>280.524.034.544</u>	<u>1.241.432.979</u>	<u>291.867.908.653</u>

Khoản tăng khác trong năm thể hiện giá trị tài sản cố định của Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 mà Tổng Công ty nhận về khi lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 22, Tổng Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 393.785.543.714 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 280.524.034.544 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 804.686.897 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.077.713.369 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá của các tài sản cố định là phương tiện vận tải đã cam kết bán cho các bên cá nhân hợp tác kinh doanh khi hợp đồng hợp tác kinh doanh đáo hạn là 34.757.027.662 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 36.810.988.278 đồng).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2013 thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài (không trích khấu hao theo quy định hiện hành) của sáu (06) lô đất khác nhau tại Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Bình, và Thành phố Tam Kỳ.

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 22, ngoại trừ lô đất ở Thành phố Quảng Ngãi, Tổng Công ty đã thế chấp các quyền sử dụng đất của mình để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí đầu tư mua sắm xe ô tô (*)	3.564.500.000	22.242.516.791
Các công trình xây dựng dở dang khác	77.000.000	116.125.509
	<u>3.641.500.000</u>	<u>22.358.642.300</u>

(*) Chi phí đầu tư mua sắm xe ô tô bao gồm chi phí mua 10 chiếc xe Hyundai i10 của công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 nhưng chưa đưa vào sử dụng.

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên ("MSH")	57.700.000.000	52.100.000.000
	<u>57.700.000.000</u>	<u>52.100.000.000</u>

MSH có hoạt động chính là cung cấp dịch vụ taxi, được đăng ký thành lập và hoạt động tại Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty nắm giữ 20,76% vốn của MSH, tương đương 20,76% quyền biểu quyết.

14. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên ("MSH")	(14.427.306.283)	(12.802.011.263)
	<u>(14.427.306.283)</u>	<u>(12.802.011.263)</u>

Khoản đầu tư tài chính dài hạn	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2014 %	Vốn CSH theo BCTC VND	Vốn thực góp tại 31/12/2014 VND	Dự phòng tại 31/12/2014 VND
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	20,76	192.226.407.606	57.700.000.000	(14.427.306.283)

Khoản dự phòng tại MSH chưa bao gồm khoản ước tính dự phòng giảm giá của khoản đầu tư với tổng giá trị đầu tư là 82.500.000.000 đồng mà MSH đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ. Giá trị đầu tư này là số tiền MSH đầu tư vào 1.100.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) của Công ty Đầu tư và Xây dựng Phú Mỹ, tương ứng 1,48% tỷ lệ sở hữu và biểu quyết tại công ty này. Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc không có thông tin thích hợp để đánh giá căn cứ trích lập dự phòng (nếu có) đối với khoản đầu tư này của MSH.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước.

	Chi phí phải trả VND
Tại ngày 01/01/2013	394.019.365
Chuyển sang chi phí trong năm	(240.467.321)
Tại ngày 31/12/2013	153.552.044
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	-
Tại ngày 31/12/2014	153.552.044

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại
VND

NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2014 và ngày 31/12/2014	5.397.065.694
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2014	3.238.239.417
Khấu hao trong năm	539.706.569
Tại ngày 31/12/2014	3.777.945.986
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2014	1.619.119.708
Tại ngày 31/12/2013	2.158.826.277

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại	43.899.696.123	37.090.952.409
Vay ngắn hạn cá nhân	13.321.820.941	7.688.464.941
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	69.568.009.486	47.773.863.664
Vay cá nhân dài hạn đến hạn trả	19.122.199.205	9.658.912.482
	145.911.725.755	102.212.193.496

Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại trong nước cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Tổng Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất và phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay này (xem các Thuyết minh 10 và 11). Các khoản vay này chịu lãi suất năm trong khoảng từ 8,5% đến 10,5% (năm 2013: từ 10% đến 11,1%) và có thời hạn vay từ 3 tháng đến 6 tháng được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

Vay ngắn hạn cá nhân thể hiện những khoản vay tín chấp có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 0,87% đến 1,25%/tháng.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.369.898.965	1.612.112.697
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.259.613.689	3.359.137.206
Thuế thu nhập cá nhân	301.911.431	186.212.112
Các loại thuế khác	1.087.408.143	179.882.585
	7.018.832.228	5.337.344.600

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí trích trước tiền lương, thưởng	2.168.358.040	1.064.155.735
Chi phí phải trả lãi vay	463.074.554	178.919.399
Chi phí thuê thương hiệu	524.957.098	729.515.386
Chi phí phải trả khác	2.967.477.447	1.217.690.271
	<u>6.123.867.139</u>	<u>3.190.280.791</u>

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	993.415.734	321.604.723
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	2.664.132.120	1.489.748.366
Phải trả các công ty thành viên trong MLG	9.582.208.993	525.469.597
Quỹ hỗ trợ tai nạn, tiếp thị rửa xe	2.656.155.438	2.636.149.760
Thu hộ nhà đầu tư hợp tác xe kinh doanh taxi	2.407.252.543	2.251.374.783
Cổ tức phải trả cho cổ đông	2.849.567.665	5.740.150.975
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.704.556.424	3.219.819.481
	<u>24.857.288.917</u>	<u>16.184.317.685</u>

21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	29.735.094.972	21.724.608.907
Phải trả dài hạn khác	48.597.994.963	36.918.091.770
	<u>78.333.089.935</u>	<u>58.642.700.677</u>

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn thể hiện khoản nhận ký quỹ từ khách hàng cho việc mở thẻ “Mailinh Customer Club” (“MCC”) và từ nhân viên lái xe đối với Tổng Công ty khi ký hợp đồng lao động. Các khoản ký quỹ từ nhân viên lái xe, không có lãi suất, được áp dụng theo quy định của Tổng Công ty đối với từng loại xe và được hoàn trả khi nghỉ việc.

Phải trả dài hạn khác thể hiện khoản nhận tiền ký quỹ không có lãi suất cho các hợp đồng hợp tác kinh doanh xe taxi của các chủ đầu tư.

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay dài hạn ngân hàng	196.447.252.824	138.127.881.199
Vay dài hạn cán bộ công nhân viên	47.216.864.140	33.462.522.522
	<u>243.664.116.964</u>	<u>171.590.403.721</u>
Trong đó:		
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	88.690.208.691	57.432.776.146
- Số phải trả sau 12 tháng	154.973.908.273	114.157.627.575

Vay dài hạn ngân hàng thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại bằng Đồng Việt Nam cho mục đích thanh toán các khoản đầu tư mua mới xe ô tô cho dịch vụ kinh doanh taxi. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các phương tiện vận tải của Công ty hình thành từ vốn vay (xem thêm Thuyết minh 10) và có thời hạn vay từ 48 tháng cho tới 84 tháng với lãi suất năm trong khoảng từ 9,3% đến 12% (năm 2013: từ 12% đến 13,05%).

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Vay dài hạn cán bộ công nhân viên là các khoản vay thông qua hình thức đầu tư hợp tác kinh doanh với thời hạn cho vay từ 36 tháng đến 60 tháng với lãi suất từ 1% đến 1,04%/tháng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	88.690.208.691	57.432.776.146
Trong năm thứ hai	62.067.712.181	52.909.292.103
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	86.934.071.092	61.248.335.472
Sau năm năm	5.972.125.000	-
	243.664.116.964	171.590.403.721
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	(88.690.208.691)	(57.432.776.146)
Số phải trả sau 12 tháng	154.973.908.273	114.157.627.575

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần <u>VND</u>	Thặng dư vốn cổ phần <u>VND</u>	Quỹ dự phòng tài chính <u>VND</u>	Quỹ đầu tư phát triển <u>VND</u>	Lợi nhuận chưa phân phối <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Số dư tại 01/01/2013	80.693.070.000	289.330.000	222.460.359	7.068.557	14.861.259.433	96.073.188.349
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	13.305.428.309	13.305.428.309
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(4.334.653.500)	(4.334.653.500)
Giảm khác	-	-	-	-	(396.865.091)	(396.865.091)
Số dư tại 31/12/2013	80.693.070.000	289.330.000	222.460.359	7.068.557	23.435.169.151	104.647.098.067
Tăng vốn trong năm	12.099.540.000	-	-	-	(12.099.540.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	13.478.437.977	13.478.437.977
Tăng khác	-	-	-	-	1.419.700	1.419.700
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(5.634.653.500)	(5.634.653.500)
Giảm khác	-	-	-	-	(423.810.950)	(423.810.950)
Số dư tại 31/12/2014	92.792.610.000	289.330.000	222.460.359	7.068.557	18.757.022.378	112.068.491.294

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 1/2014/NQ-ĐHCD ngày 18 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị công bố trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 1.600.000.000 đồng (năm 2013: 300.000.000 đồng) và chia cổ tức bằng tiền cho năm 2013 là 500 đồng/1 cổ phiếu, tương đương 4.034.653.500 đồng.

Cũng theo Nghị quyết nói trên, Công ty mẹ cũng công bố chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 100:15, tương đương với số tiền là 12.099.540.000 đồng. Sau khi hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, vốn cổ phần của Công ty mẹ là 92.792.610.000 đồng. Việc niêm yết đã được chấp thuận thông qua Thông báo về việc chấp thuận niêm yết bổ sung của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội số 96/TB-SGDHN ngày 29 tháng 01 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cổ phần

	31/12/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.279.261	8.069.307
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.279.261	8.069.307
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.279.261	8.069.307
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.279.261	8.069.307
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Mệnh giá đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

Vốn cổ phần

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn cổ phần của Công ty mẹ là 92.792.610.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 80.693.070.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn cổ phần đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Tại ngày 31/12/2014			Tại ngày 31/12/2013		
	<u>Cổ phần</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>Cổ phần</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>
MLG	4.434.781	47,79%	44.347.810.000	3.856.332	47,79%	38.563.320.000
Ông Hồ Huy	1.174.380	12,66%	11.743.800.000	1.021.200	12,66%	10.212.000.000
Các Cổ đông khác	3.670.100	39,55%	36.701.000.000	3.191.775	39,55%	31.917.750.000
	9.279.261	100%	92.792.610.000	8.069.307	100%	80.693.070.000

24. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	2014
	<u>VND</u>
Vốn điều lệ của các công ty con	16.800.000.000
<i>Trong đó</i>	
Vốn góp của Công ty mẹ	12.600.000.000
Vốn góp của cổ đông thiểu số	4.200.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	25,00%
<i>Trong đó:</i>	
Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	25,00%
Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	0,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản	62.932.020.770	48.246.313.417
Tổng nợ phải trả	44.257.896.015	31.495.216.277
Tài sản thuần	18.674.124.755	16.751.097.140
<i>Trong đó:</i>		
Vốn điều lệ	16.800.000.000	16.800.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	1.874.124.755	(48.902.860)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	4.668.531.189	4.187.774.285
<i>Trong đó:</i>		
Vốn điều lệ	4.200.000.000	4.200.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	468.531.189	(12.225.715)

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

	<u>VND</u>
Lợi nhuận của các công ty con	1.874.124.755
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số	<u>468.531.189</u>

Thay đổi của lợi ích cổ đông thiểu số trong năm như sau:

	Vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư tại ngày 01/01/2013	4.200.000.000	(832.930.524)	3.367.069.476
Lợi nhuận chia cho cổ đông thiểu số	-	820.704.809	820.704.809
Số dư tại ngày 31/12/2013	4.200.000.000	(12.225.715)	4.187.774.285
Lợi nhuận chia cho cổ đông thiểu số	-	480.756.904	480.756.904
Số dư tại ngày 31/12/2014	4.200.000.000	468.531.189	4.668.531.189

CÔNG TY CỔ PHẦN MAILINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Nhằm phục vụ cho mục đích quản lý, Tổng Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh						Cộng	Loại trừ	Hợp nhất
	Doanh thu dịch vụ taxi	Doanh thu cho thuê tài sản, quản lý xe thương quyền, sửa chữa, kinh doanh xăng dầu	Doanh thu vận tải hành khách, xe buýt, vận chuyển du lịch	Doanh thu bán các sản phẩm nông nghiệp	Doanh thu bán vật tư, phụ tùng và dịch vụ khác				
Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014									
Doanh thu									
Khách hàng bên ngoài	363.913	40.311	49.633	-	5.742	459.599	-	459.599	
Giữa các bộ phận	8.861	268	-	-	230	9.359	9.359	-	
Tổng cộng	372.774	40.579	49.633	-	5.972	468.958	9.359	459.599	
Kết quả hoạt động kinh doanh									
Giá vốn của bộ phận	305.992	15.545	43.586	-	6.678	371.801	-	371.801	
Lợi nhuận gộp của bộ phận	57.921	24.766	6.048	-	(936)	87.799	-	87.799	
Chi phí không phân bổ									(45.871)
Thu nhập tài chính									1.022
Chi phí tài chính									(33.830)
Lợi nhuận khác									9.161
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(4.322)
Lợi nhuận sau thuế									13.959

CÔNG TY CỔ PHẦN MAILINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh							Hợp nhất
	Doanh thu dịch vụ taxi	Doanh thu cho thuê tài sản, quản lý xe thương quyền, sửa chữa, kinh doanh xăng dầu	Doanh thu vận tải hành khách, xe buýt, vận chuyển du lịch	Doanh thu bán các sản phẩm nông nghiệp	Doanh thu bán vật tư, phụ tùng và dịch vụ khác	Cộng	Loại trừ	
Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013								
Doanh thu								
Khách hàng bên ngoài	302.380	37.895	48.888	3.604	6.344	399.111	-	399.111
Giữa các bộ phận	407	13.896	-	-	284	14.587	14.587	-
Tổng cộng	302.787	51.791	48.888	3.604	6.628	413.697	14.587	399.111
Kết quả hoạt động kinh doanh								
Giá vốn của bộ phận	240.379	21.515	39.166	3.615	3.602	308.277	-	308.277
Lợi nhuận gộp của bộ phận	62.001	16.380	9.722	(12)	2.743	90.834	-	90.834
Chi phí không phân bổ								(47.469)
Thu nhập tài chính								628
Chi phí tài chính								(36.961)
Lợi nhuận khác								12.268
Thuế thu nhập doanh nghiệp								(5.174)
Lợi nhuận sau thuế								14.126

CÔNG TY CỔ PHẦN MAILINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các thông tin khác

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh						Cộng	Loại trừ	Hợp nhất
	Doanh thu dịch vụ taxi	Doanh thu cho thuê tài sản, quản lý xe thương quyền, sửa chữa, kinh doanh xăng dầu	Doanh thu vận tải hành khách, xe buýt, vận chuyển du lịch	Doanh thu bán các sản phẩm nông nghiệp	Doanh thu bán vật tư, phụ tùng và dịch vụ khác				
Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014									
Tài sản của bộ phận phân bổ	397.657	44.049	54.236	-	6.274	502.216	-	502.217	
Tài sản không phân bổ								52.885	
Tổng tài sản hợp nhất								555.102	
Nợ phải trả của bộ phận phân bổ	108.857	12.058	14.847	-	1.718	137.480	-	137.480	
Nợ phải trả không phân bổ								300.886	
Tổng nợ phải trả hợp nhất								(438.366)	
Chi phí mua sắm tài sản	116.148	12.866	15.841	-	1.833	146.688		146.688	
Chi phí khấu hao	28.181	3.122	3.843	-	445	35.590		35.590	

CÔNG TY CỔ PHẦN MAILINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo**Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh					Cộng	Loại trừ	Hợp nhất
	Doanh thu dịch vụ taxi	Doanh thu cho thuê tài sản, quản lý xe thương quyền, sửa chữa, kinh doanh xăng dầu	Doanh thu vận tải hành khách, xe buýt, vận chuyển du lịch	Doanh thu bán các sản phẩm nông nghiệp	Doanh thu bán vật tư, phụ tùng và dịch vụ khác			
Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013								
Tài sản của bộ phận phân bổ	294.552	36.914	47.622	3.510	6.180	388.779	-	388.779
Tài sản không phân bổ								48.534
Tổng tài sản hợp nhất								<u>437.313</u>
Nợ phải trả của bộ phận phân bổ	84.937	10.645	13.732	1.012	1.782	112.108	-	112.108
Nợ phải trả không phân bổ								216.370
Tổng nợ phải trả hợp nhất								<u>(328.478)</u>
Chi phí mua sắm tài sản	12.213	1.531	1.975	146	256	16.120		16.120
Chi phí khấu hao	24.949	3.127	4.034	297	523	32.930		32.930

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty, những thông tin dưới đây còn trình bày theo khu vực địa lý.

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Đà Nẵng	Tam Kỳ	Quảng Trị	Hội An	Huế	Quảng Ngãi	Quảng Bình	Bình Định	Loại trừ	Hợp nhất
Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014										
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	157.181	19.501	16.354	31.497	62.449	91.632	42.001	38.984		459.599
Giữa các bộ phận	1.658	870	344	6	1.520	4.961	-	-	9.359	-
Tổng cộng	158.839	20.371	16.698	31.503	63.969	96.593	42.001	38.984	9.359	459.599
Tài sản của bộ phận	154.682	35.128	17.256	39.564	50.335	84.889	62.920	57.443		502.217
Tăng/(giảm) tài sản cố định	13.532	8.285	(2.894)	2.091	6.743	9.686	14.711	4.885	-	57.042

Chỉ tiêu	Đà Nẵng	Tam Kỳ	Quảng Trị	Hội An	Huế	Quảng Ngãi	Quảng Bình	Bình Định	Loại trừ	Hợp nhất
Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013										
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	155.932	21.087	14.309	29.041	50.458	87.386	40.896	-		399.111
Giữa các bộ phận	7.949	1.968	2.531	13	1.345	781	-	-	14.588	-
Tổng cộng	163.882	23.055	16.840	29.054	51.803	88.167	40.896	-	14.588	399.111
Tài sản của bộ phận	137.007	21.516	19.987	44.957	42.345	74.747	48.219	-		388.779
Tăng/(giảm) tài sản cố định	4.229	(481)	(1.258)	4.382	(4.176)	7.802	7.872	-	-	18.370

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	459.714.869.053	399.303.866.039
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu dịch vụ taxi	364.028.373.013	302.573.052.097
Doanh thu dịch vụ xe buýt	37.183.381.000	35.582.156.000
Doanh thu dịch vụ cho thuê xe	17.299.630.521	15.931.280.589
Doanh thu dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa	5.883.626.523	4.324.727.398
Doanh thu dịch vụ vận tải hành khách đường bộ, vận chuyển du lịch	12.449.786.107	13.305.526.545
Doanh thu cho thuê và quản lý xe thương quyền	17.128.125.254	17.639.314.885
Doanh thu từ bán các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản	-	3.603.550.000
Doanh thu các dịch vụ khác	5.741.946.635	6.344.258.525
Các khoản giảm từ doanh thu	(115.706.977)	(193.352.244)
Chiết khấu thương mại	(115.706.977)	(193.352.244)
Giảm giá hàng bán	-	-
	<u>459.599.162.076</u>	<u>399.110.513.795</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn dịch vụ taxi	305.991.793.105	240.378.823.023
Giá vốn dịch vụ xe buýt	33.136.319.679	30.205.953.624
Giá vốn dịch vụ cho thuê xe	8.098.322.725	4.622.865.899
Giá vốn dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa	2.877.806.993	9.105.380.626
Giá vốn dịch vụ vận tải hành khách đường bộ, vận chuyển du lịch	10.449.274.416	8.959.593.415
Giá vốn cho thuê và quản lý xe thương quyền	4.568.879.169	7.786.938.767
Giá vốn từ bán các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản	-	7.952.986.199
Giá vốn các dịch vụ khác	6.677.732.281	3.601.750.090
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(4.337.729.562)
	<u>371.800.128.368</u>	<u>308.276.562.081</u>

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	114.800.043.450	117.397.594.861
Chi phí nhân công	135.653.316.172	127.904.216.586
Chi phí khấu hao tài sản cố định	75.045.271.293	61.167.399.489
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.774.833.520	43.636.541.090
Chi phí khác	36.397.223.100	5.100.091.693
	<u>417.670.687.535</u>	<u>355.205.843.719</u>

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	268.920.629	261.620.545
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	68.362	-
Thu nhập từ hoạt động cho thuê thương hiệu Mai Linh	-	309.090.906
Doanh thu hoạt động tài chính khác	753.181.579	57.139.679
	<u>1.022.170.570</u>	<u>627.851.130</u>

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	31.941.249.879	26.696.307.587
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn, dài hạn	1.625.295.020	9.950.313.373
Chi phí hoạt động tài chính khác	263.611.984	314.247.365
	<u>33.830.156.883</u>	<u>36.960.868.325</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. LỢI NHUẬN KHÁC

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu tiền phạt, tiền bồi thường	390.651.574	-
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	38.377.923.094	23.017.980.963
Thu nhập từ kinh phí hỗ trợ cho hoạt động xe buýt	2.959.010.224	3.397.200.000
Khác	1.638.779.763	5.121.692.269
Thu nhập khác	<u>43.366.364.655</u>	<u>31.536.873.232</u>
Tiền phạt, tiền bồi thường	515.826.595	509.528.627
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	30.910.455.373	15.597.325.790
Khác	1.981.088.089	3.161.526.594
Chi phí khác	<u>34.205.370.057</u>	<u>19.268.381.011</u>
Lợi nhuận khác	<u>9.160.994.598</u>	<u>12.268.492.221</u>

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	18.281.482.826	19.300.438.532
Điều chỉnh liên quan đến hợp nhất	13.612.697.546	7.801.820.997
Lợi nhuận trước thuế (số tổng hợp)	31.894.180.372	27.102.259.529
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(12.900.000.000)</i>	<i>(5.235.963.114)</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>1.842.173.476</i>	<i>1.698.890.994</i>
Chuyển lỗ từ những năm trước	(1.077.175.518)	(3.723.219.786)
Thu nhập chịu thuế	19.759.178.422	19.841.967.628
Thuế suất áp dụng		
- 20%	1.236.565.409	-
- 22%	18.522.613.013	-
- 25%	-	19.841.967.628
Chi phí thuế trước điều chỉnh	<u>4.322.287.945</u>	<u>4.960.491.907</u>
Điều chỉnh khác	-	(26.653.814)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>4.322.287.945</u>	<u>4.933.838.093</u>

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông từ 20% đến 22% trên thu nhập chịu thuế (năm 2013: 25%).

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.478.437.977	13.305.428.309
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.279.261	8.069.307
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.453</u>	<u>1.649</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CÁC KHOẢN CAM KẾT KHÁC

Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 13 tháng 11 năm 2012, Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thuộc sở hữu của Ông Hồ Minh Châu với giá trị chuyển nhượng là 74.633.325.000 đồng, tương ứng số lượng là 5.970.666 cổ phần (gồm: 5.434.298 cổ phần phổ thông và 536.368 cổ phần ưu đãi cổ tức). Thời hạn thanh toán được chia thành 05 đợt, đợt cuối vào ngày 26 tháng 4 năm 2013. Quyền sở hữu của bên nhận chuyển nhượng được xác lập tương ứng với số tiền mà Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung thanh toán cho Ông Hồ Minh Châu về số tiền mua cổ phần theo nguyên tắc cổ phần phổ thông trước, cổ phần ưu đãi cổ tức sau cùng.

Ngày 13 tháng 6 năm 2014, Ông Hồ Minh Châu đã nộp đơn kiện Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung yêu cầu Công ty mẹ tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cổ phần nêu trên. Tại ngày Báo cáo này, vụ kiện vẫn đang trong quá trình hòa giải. Tổng Công ty đã thực hiện phần lớn nghĩa vụ với Ông Hồ Minh Châu và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng sự việc này không có ảnh hưởng trọng yếu; theo đó, Tổng Công ty không ghi nhận các khoản nợ dự phòng có thể phát sinh trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	<u>6.047.793.048</u>	<u>4.711.460.004</u>
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	<u>1.921.481.525</u>	<u>4.711.460.004</u>
	<u>1.921.481.525</u>	<u>4.711.460.004</u>

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	300.885.634.028	216.369.821.071
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(8.073.236.046)	(6.037.406.782)
Nợ thuần	292.812.397.982	210.332.414.289
Vốn chủ sở hữu	112.068.491.294	104.647.098.067
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>2,61</u>	<u>2,01</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.073.236.046	6.037.406.782
Phải thu khách hàng, phải thu khác	44.809.587.297	29.001.710.664
Các khoản ký quỹ, ký cược	420.374.000	326.755.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	57.700.000.000	52.100.000.000
	111.003.197.343	87.465.872.446
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	300.885.634.028	216.369.821.071
Phải trả người bán và phải trả khác	61.803.648.986	58.595.765.144
Chi phí phải trả	6.123.867.139	3.190.280.791
	368.813.150.153	278.155.867.006

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Độ nhạy của lãi suất**

	Tăng/(giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế <u>VND</u>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		
VND	200	(6.017.712.681)
VND	(200)	6.017.712.681
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013		
VND	200	(6.017.712.681)
VND	(200)	6.017.712.681

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1 - 5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.073.236.046	-	8.073.236.046
Phải thu khách hàng, phải thu khác	44.809.587.297	-	44.809.587.297
Các khoản ký quỹ, ký cược	417.374.000	3.000.000	420.374.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	-	57.700.000.000	57.700.000.000
	53.300.197.343	57.703.000.000	111.003.197.343
Các khoản vay	145.911.725.755	154.973.908.273	300.885.634.028
Phải trả người bán và phải trả khác	32.068.554.014	29.735.094.972	61.803.648.986
Chi phí phải trả	6.123.867.139	-	6.123.867.139
	184.104.146.908	184.709.003.245	368.813.150.153
Chênh lệch thanh khoản thuần	(130.803.949.565)	(127.006.003.245)	(257.809.952.810)

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.037.406.782	-	6.037.406.782
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.001.710.664	-	29.001.710.664
Các khoản ký quỹ, ký cược	323.755.000	3.000.000	326.755.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	-	52.100.000.000	52.100.000.000
	35.362.872.446	52.103.000.000	87.465.872.446
Các khoản vay	102.212.193.496	114.157.627.575	216.369.821.071
Phải trả người bán và phải trả khác	36.871.156.237	21.724.608.907	58.595.765.144
Chi phí phải trả	3.190.280.791	-	3.190.280.791
	142.273.630.524	135.882.236.482	278.155.867.006
Chênh lệch thanh khoản thuần	(106.910.758.078)	(83.779.236.482)	(190.689.994.560)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng với sự cam kết tái cấu trúc mạnh mẽ, cũng như nguồn tiền từ hoạt động taxi hàng ngày và từ các khoản vay ngân hàng, Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Dương
 Công ty TNHH Địa ốc Mai Linh
 Công ty TNHH Mai Linh Đông Nam Bộ
 Chi nhánh Trung Tâm xe cho thuê Mai Linh
 Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh
 Công ty TNHH Dệt May Hạnh Linh
 Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam
 Công ty TNHH Vận Chuyển Hàng Hóa Mai Linh
 Công ty TNHH Nước Khoáng Mai Linh
 Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Nông
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Lạt
 Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Phan Rang
 Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô
 Chi nhánh Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ An Ninh
 Công ty Cổ phần TMDV Thiết kế và In bao bì Năng Động
 Công ty Cổ phần Vận tải Hành khách Mai Linh
 Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Lữ hành Mai Linh
 Công ty Cổ phần Năng Lượng Mai Linh
 Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh
 Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh
 Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Linh

Mối quan hệ

Chủ sở hữu
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty đồng Chủ tịch
 Công ty đồng Chủ tịch
 Công ty đồng Chủ tịch
 Công ty đồng Chủ tịch
 Công ty đồng Chủ tịch
 Công ty đồng Chủ tịch
 Công ty đồng Chủ tịch
 Công ty đồng Chủ tịch

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng		
Công ty thành viên trong MLG		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	23.313.216.817	15.326.657.271
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	671.818.181	1.181.818.180
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	27.272.727	18.181.818
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Lạt	90.909.090	30.022.727
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	9.090.909	27.272.727
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phan Rang	13.636.364	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	7.725.454	-
Công ty Cổ phần Vận tải Hành khách Mai Linh	54.639.850	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Lữ hành Mai Linh	172.067.955	-
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	1.276.160.889	2.689.236.705
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	190.909.092	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Nông	13.636.364	-
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	2.729.090	-
	<u>25.843.812.782</u>	<u>19.273.189.428</u>

Mua hàng**Công ty thành viên trong MLG**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	21.540.275.500	16.511.232.479
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh	4.900.000	387.125.000
Công ty TNHH Dệt May Hạnh Linh	711.527.182	681.196.400
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ An Ninh	217.800.000	209.550.000
Công ty Cổ phần TMDV Thiết kế và In bao bì Năng Động	-	103.288.386
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	1.354.545	-
Công ty TNHH Vận Chuyển Hàng Hóa Mai Linh	2.752.760	670.000
Công ty Cổ phần Vận tải Hành khách Mai Linh	89.950	-
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	65.203.540	58.382.257
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	8.988.000	-
Công ty TNHH Mai Linh Đông Nam Bộ	1.236.364	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	128.181.818	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	102.910.500	-
	<u>22.785.220.159</u>	<u>17.951.444.522</u>

Mua tài sản cố định

Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	-	11.181.818.175
-----------------------------------	---	----------------

Bán tài sản cố định

Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	4.200.000.000	-
----------------------------------	---------------	---

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương	1.804.109.328	1.722.514.120
Các khoản phúc lợi khác	602.286.130	794.948.410

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khác		
Công ty thành viên trong MLG		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	24.812.455.040	15.488.679.951
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	2.297.818.727	1.560.818.727
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	400.235.242	321.666.374
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	13.607.000	713.795.708
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phan Rang	33.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	81.940.319	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Lạt	3.025.000	3.025.000
Công ty Cổ phần Năng Lượng Mai Linh	3.128.861.729	3.128.861.729
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	140.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	4.359.987.633	1.477.146.575
Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Linh	-	136.141.285
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	15.450.000	10.700.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Dương	5.612.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	60.000	-
	35.292.052.690	22.840.835.349

Phải trả khác**Công ty thành viên trong MLG**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	104.938.998	31.729.531
Công ty TNHH Mai Linh Đông Nam Bộ	1.360.000	-
Chi nhánh Trung Tâm xe cho thuê Mai Linh	2.000.000	2.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh	90.650.400	120.895.813
Công ty TNHH Dệt May Hạnh Linh	236.832.950	117.190.150
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	30.616.240	-
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ An Ninh	39.930.000	39.930.000
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	-	172.100.000
Công ty TNHH Vận Chuyển Hàng Hóa Mai Linh	4.182.514	737.000
Công ty TNHH Nước Khoáng Mai Linh	641	641
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	3.258.550.105	10.377.884
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	335.575	335.575
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	170.000	5.927.500
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần TMDV Thiết kế và In bao bì Năng Động	65.004.742	5.116.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	9.791.400	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Mai Linh	2.720.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	17.845.428	-
Công ty TNHH Địa ốc Mai Linh	-	19.129.503
	9.582.208.993	525.469.597

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Vào ngày 17 tháng 01 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng nhận chuyển nhượng 03 công ty con của Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với giá trị chuyển nhượng là 14 tỷ đồng. Các công ty con nhận chuyển nhượng là Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum, Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai và Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên.

Dương Trung Tình
Người lập biểu

Đoàn Triệu Chu Luân
Kế toán trưởng

Võ Thành Nhân
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2015